

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 07-7-2017

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy - Giáo viên nghỉ hưu tại TT Gia Lộc, huyện Gia Lộc;
2. Bà Nguyễn Thị Lan - Giáo viên nghỉ hưu tại TT Gia Lộc, huyện Gia

Lộc;

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương** tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên;

Ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 78/2017/TLST-HNGĐ ngày 04-5-2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 7-6-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23-6-2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1996; ĐKKHKT tại: Thôn H, xã Y, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn Ô, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Đình N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn H, xã Y, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-5-2017, trong quá trình giải quyết và xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đình N tự do tìm hiểu, thương yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào ngày 13/4/2014 và về chung sống cùng nhau, đến ngày 25/02/2015 chị và anh N mới đến UBND xã Y, huyện Gia Lộc đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên chơi bời, cờ bạc, nợ nần có người đến nhà đòi nợ. Cuối năm 2015, vợ chồng đã có lần xảy ra xô xát

chính quyền địa phương đến can thiệp; thời gian gần đây chị thấy anh N có biểu hiện sử dụng ma túy do không chịu được cuộc sống chung, chị đã bỏ về nhà ở Bình Giang và sống ly thân với anh N từ tháng 2/2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Trần Đình Minh P, sinh ngày 12/02/2015. Khi chị về nhà để có bé con đi cùng nhưng bị anh N đe dọa nên chị không đưa con đi cùng mà cuối tuần cho đón về chơi sau lại đưa cháu cho ông bà nội chăm sóc. Hiện nay con chung đang ở với ông bà nội ở thôn H, xã Y, huyện Gia Lộc, anh N đi làm ăn xa. Cháu P vẫn còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ, anh N thường đi làm xa, không thể ở nhà để chăm sóc cháu được nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đình Minh P đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty H ở Gia Lộc, Hải Dương, với mức thu nhập hàng tháng 5.300.000đồng/tháng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Trần Đình N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T thương yêu nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 13/4/2014 và chung sống cùng nhau, đến ngày 25/02/2015 anh và chị T đến UBND xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn chỉ thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ, có lần còn đánh nhau, tháng 2-2017 chị T đã bỏ về nhà để sinh sống đến nay, anh đã hai lần đến nhà để thuyết phục chị T về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Anh N còn ít tình cảm với chị T, nếu chị T nhất trí cho anh nuôi con thì anh sẽ nhất trí ly hôn, còn chị T vẫn cương quyết xin nuôi con thì anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh N xác định vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Hiện cháu P đang ở với anh N và bố mẹ anh tại thôn H, xã Y, huyện Gia Lộc. Nếu vợ chồng phải ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị t và anh N xác định không có tài sản chung. Không đề nghị tòa án giải quyết.

Quan điểm của chính quyền địa phương: Anh Trần Đình N và chị Lê Thị T có đăng ký kết hôn và sinh sống tại địa phương thôn Hoàng Kim, xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh N có chơi bời, vay nợ và có người đến nhà đòi nợ. Trước năm 2016, vợ chồng cãi, đánh nhau chính quyền địa phương đã đến can thiệp, hòa giải. Anh N đang là đối tượng thuộc diện nghi vấn trong việc sử dụng chất ma túy, đang được địa phương theo dõi. Tháng 2-2017 chị T bỏ về gia đình nhà đẻ sinh

sống, con của anh chị hiện đang ở với anh N và ông bà nội. Ngày 23-5-2017 Hội phụ nữ xã có nhận được đơn đề nghị can thiệp, giúp đỡ việc nuôi con của chị T. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh N thường đi làm xa, con còn nhỏ, nếu vợ chồng ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được nuôi con.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu :

- Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Đình N.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đình Minh P, sinh ngày 12/02/2015 đến khi cháu P thành niên (đủ 18 tuổi) và chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000^d án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc nhận định:

[I] Về tố tụng: Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện nộp Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc giải quyết về việc ly hôn và nuôi con chung giữa chị và anh Trần Đình N, cư trú tại thôn H, xã Y, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Bị đơn anh Trần Đình N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là đúng pháp luật.

[II] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trần Đình N thương yêu nhau nên ngày 13-4-2014 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương về chung sống cùng nhau. Ngày 25-02-2015 chị T và anh N đến UBND xã Y, huyện Gia Lộc đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không chịu làm ăn, chơi bời cờ bạc, vay nợ dẫn đến vợ chồng xô xát, cãi đánh nhau, vào cuối năm 2015 giữa chị T và anh N đã cãi đánh nhau và chính quyền địa phương đến chứng kiến, hòa giải nhưng sau đó anh N vẫn không thay

đôi. Bản thân anh N đang là đối tượng thuộc diện nghi vấn trong việc sử dụng chất ma túy, đang được địa phương theo dõi nên tháng 2/2017 chị T đã bỏ về gia đình nhà đẻ ở thôn Ô , xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương sinh sống. Bản thân anh N xác định nếu chị T nhất trí cho anh nuôi dưỡng con chung thì anh nhất trí ly hôn, còn không đồng ý cho anh nuôi con thì anh không nhất trí ly hôn thể hiện anh N không còn tình cảm với chị T. Quá trình giải quyết vụ án, anh N cũng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ, tại phiên tòa hôm nay cũng vắng mặt, không muốn gặp gỡ chị T. Từ các nhận định trên, xác định tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Trần Đình N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận khởi kiện của chị T xin ly hôn anh N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[III] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị T và anh Trần Đình N đều xác định vợ chồng có một con chung là Trần Đình Minh Phong, sinh ngày 12-02-2015. Sau khi ly hôn, chị T và anh N đều có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. HĐXX thấy rằng: Khi chị T về nhà đẻ sinh sống ở thôn Ô, xã C, huyện B; chị T đưa con đi cùng thì bị anh N đe dọa nên không cho con đi cùng mà chỉ cho chị T được đón con về chơi vào cuối tuần. Hiện nay con Trần Đình Minh P đang ở với ông bà nội và anh N. Anh N thường xuyên đi làm xa không ở nhà nên ít có thời gian, điều kiện chăm sóc con phải nhờ bố mẹ chăm nuôi giúp. Hiện cháu P phát triển bình thường, khỏe mạnh nhưng còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị T tốt hơn, chị T tha thiết được nuôi con chung. Xem xét về điều kiện kinh tế: anh N là thợ sơn, theo anh N khai thu nhập 10 triệu đồng/tháng nhưng không cung cấp cho tòa án căn cứ xác nhận mức thu nhập như nêu trên, chị T hiện là công nhân may đang làm việc ổn định tại Công ty H, xã G, huyện Gia Lộc, theo bảng lương chị T cung cấp mức thu nhập trung bình hàng tháng từ 4.300.000 đồng đến 5.300.000 đồng/tháng. Hiện cháu Phong dưới 36 tháng tuổi, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Từ những căn cứ nêu trên, xác định chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đình Minh P theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Với điều kiện, mức thu nhập như trên chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung nên chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị

[IV] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Trần Đình N.
2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Trần Đình Minh P, sinh ngày 12-02-2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P thành niên (đủ 18 tuổi) và chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Chị Lê Thị T và anh Trần Đình N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi d-ỡng và giáo dục con chung mà không ai đ-ợc cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000^d án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000^d theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AB/2014/003396 ngày 04-5-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THU

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ THU